

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 - 9 -2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Long Nhiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Đức Thuận.
2. Bà Cao Thị Chinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1960.

Trú tại: thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đ ( Có mặt).

- Bị đơn: Ông Hà Thanh X, sinh năm 1959.

Trú tại: thôn P, xã B, huyện T, tỉnh B (Vắng mặt).

Hiện nay đã bị Tòa án tuyên bố mất tích (*Theo quyết định số: 01/2020/QĐST-VDS, ngày 07/01/2020*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị bà Trần Thị T trình bày:**

Bà và ông Hà Thanh X tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình chấp nhận tiến tổ chức lễ cưới theo phong tục và về chung sống với nhau từ năm 1977 nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã phường nào.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông X ngoại tình không lo làm ăn nuôi con, đến 1996 ông X bỏ địa phương đi khỏi thôn P, xã B, huyện T, tỉnh B bà đã tìm nhiều nơi nhưng không tìm ra tung tích của ông X. Tại Quyết định số 01/2020/QĐST-VDS ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã tuyên bố ông Hà Thanh X, sinh năm 1959 có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh B mất tích. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hà Thanh X.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung tên Hà Quang C, sinh năm 1981; Hà Thị K, sinh năm 1983; Hà Thị V, sinh năm 1985; Hà Văn C, sinh năm 1988 và Hà Phong V, sinh năm 1989. Các con đã thành niên có việc làm, có thu nhập tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu tòa giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

**Bị đơn:** Ông Hà Thanh X đã bị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn tuyên bố mất tích, theo quyết định số 01/2020/QĐST-VDS, ngày 07/01/2020.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Tại biên bản xác minh ngày 28/4/2020 của UBND xã B cung cấp: ông Hà Thanh X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh B và chưa từng cắt khẩu đi nơi khác, ông X và bà T về chung sống từ năm 1977 và chưa từng đăng ký kết hôn tại UBND xã B.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX tuyên xử: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Hà Thanh X; về con chung: các con đã thành niên, có việc làm tự nuôi sống bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần niêm yết giấy báo, giấy triệu tập đương sự cho ông Hà Thanh X theo đúng quy định của pháp luật tại địa chỉ nơi cư trú cuối cùng nhưng ông X vắng mặt. Vì vậy Tòa án

xét xử vắng mặt ông Hà Thanh X là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Bà Trần Thị T và ông Hà Thanh X tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình chấp nhận tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục và về chung sống với nhau từ 1977. Tuy nhiên, từ khi chung sống đến nay, bà T và ông X không đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội Khóa 10 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000, bà T và ông X không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được xem là hôn nhân hợp pháp.

Ngày 07/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã tuyên bố ông Hà Thanh X mất tích, theo Quyết định số 01/2020/QĐST-VDS. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông X vì không còn tình cảm vợ chồng

Qua xác minh tại địa phương ngày 28/4/2020 thì: Ông Hà Thanh X có địa chỉ thường trú tại thôn P, xã B, huyện T, tỉnh B. Tuy nhiên ông X đã bỏ đi khỏi địa phương đã lâu, sau khi tòa án tuyên bố ông X mất tích vào tháng 01/2020 cho đến nay không thấy ông X quay trở về địa phương nữa. Hiện nay ông X ở đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Hà Thanh X.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Hà Thanh X đã đi khỏi địa phương nơi cư trú từ năm 1996 cho đến nay không có tin tức gì và cũng đã bị Tòa án tuyên bố ông X mất tích. Như vậy bà Trần Thị T xin được ly hôn với ông Hà Thanh X là yêu cầu chính đáng, có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Bà Trần Thị T và ông Hà Thanh X có 05 con chung là Hà Quang C, sinh năm 1981; Hà Thị K, sinh năm 1983; Hà Thị V, sinh năm 1985; Hà Văn C, sinh năm 1988 và Hà Phong V, sinh năm 1989 hiện các con đã trưởng thành, có việc làm tự nuôi sống bản thân và bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006643 ngày 21/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

**Tuyên xử** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị T;

- **Về quan hệ vợ chồng:** Bà Trần Thị T được ly hôn ông Hà Thanh X.

- **Về con chung:** Bà Trần Thị T và ông Hà Thanh X có 05 con chung là Hà Quang C, sinh năm 1981; Hà Thị K, sinh năm 1983; Hà Thị V, sinh năm 1985; Hà Văn C, sinh năm 1988 và Hà Phong V, sinh năm 1989 hiện các con đã trưởng thành, có việc làm tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu tòa giải quyết nên miễn xét.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu nên miễn xét.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006643 ngày 21/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Long Nhiên**